

UBND TỈNH HOÀ BÌNH
SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 183 /SNN-TL

Hoà Bình, ngày 06 tháng 03 năm 2015

V/v báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Đề án
“nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý
rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai
đoạn 2009-2014.



Kính gửi: Tổng cục Thủy lợi.

Căn cứ Công văn số 186/TCTL-GNTT ngày 09/02/2015 của Tổng cục Thủy lợi về việc báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Đề án “nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009-2014;

Thực hiện Công văn số 767/VPUBND-NNTN ngày 13/02/2015 của Văn phòng UBND tỉnh về việc báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Đề án “nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009-2014,

Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo 5 năm thực hiện Đề án “nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” như sau:

1. Kế hoạch thực hiện đã phê duyệt

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
I	<u>Hợp phần 1:</u> Nâng cao năng lực cho cán bộ chính quyền địa phương ở các cấp về quản lý, triển khai thực hiện các hoạt động QLTTCD ở tỉnh Hoà Bình đảm bảo 1.235 cán bộ (210 xã, phường; 11 huyện, thành phố; 25 sở, ngành: mỗi đơn vị 5 người) làm công tác PCLB và TKCN được tập huấn, nâng cao năng lực và trình độ về công tác phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai.	
1	Hoàn thiện bộ máy phòng chống và quản lý thiên tai của cơ quan chuyên trách các cấp: huyện, thành phố, tỉnh:	Thường xuyên hàng năm
2	Xây dựng hệ thống đào tạo về QLTTCD thống nhất ở các cấp	Thường xuyên hàng năm
3	Tổ chức đào tạo về chính sách, cơ chế và hướng dẫn thực hiện QLTTCD cho đội ngũ cán bộ giảng dạy:	Thường xuyên hàng năm

4	Trang bị công cụ hỗ trợ công tác phòng, chống lụt bão cho các cơ quan, chính quyền các cấp và bộ dụng cụ giảng dạy về QLTTCD cho đội ngũ giảng dạy chuyên nghiệp:	2010-2017
5	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới trụ sở cơ quan chuyên trách về phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai cấp tỉnh	2010-2018
II	<u>Hợp phần 2:</u> Tăng cường truyền thông giáo dục và nâng cao năng lực cho cộng đồng về QLTTCD đảm bảo 100% số dân của 126 xã, phường, thị trấn nằm trong vùng thường xuyên bị thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống lụt bão và TKCN; Tăng cường sức mạnh và năng lực phòng tránh và ứng phó với thiên tai: mua sắm trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, xây dựng các công trình phòng chống lũ, sạt lở,...	
1	Thành lập nhóm triển khai thực hiện các hoạt động QLTTCD tại cộng đồng	Thường xuyên hàng năm
2	Xây dựng bản đồ thiên tai và tình trạng dễ bị tổn thương ở từng cộng đồng; xây dựng pano bản đồ và bảng hướng dẫn các bước cơ bản về chuẩn bị, ứng phó và phục hồi với từng giai đoạn: trước, trong và sau thiên tai phù hợp cho từng cộng đồng	Thường xuyên hàng năm
3	Xây dựng sổ tay hướng dẫn triển khai các hoạt động cơ bản của cộng đồng về chuẩn bị, ứng phó và phục hồi ứng với từng giai đoạn: trước, trong và sau thiên tai phù hợp cho từng cộng đồng	Thường xuyên hàng năm
4	Hàng năm thu thập, cập nhật thông tin cho bản đồ thiên tai và tình trạng dễ bị tổn thương	Thường xuyên hàng năm
5	Hàng năm xây dựng kế hoạch về phòng, chống và quản lý rủi ro thiên tai có lồng ghép với biến đổi khí hậu tại cộng đồng	Thường xuyên hàng năm
6	Hàng năm xây dựng kế hoạch diễn tập về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai tại cộng đồng (bao gồm cả các trang thiết bị và dụng cụ hỗ trợ)	Thường xuyên hàng năm
7	Xây dựng hệ thống về cảnh báo, truyền tin sớm về thiên tai trong cộng đồng (bao gồm cả các trang thiết bị và dụng cụ hỗ trợ) đảm bảo thông tin dự báo, cảnh báo đến với cộng đồng kịp thời.	2010 - 2016
8	Thiết lập hệ thống đánh giá và giám sát các hoạt động về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trong cộng đồng	Thường xuyên hàng năm

9	Các hoạt động về QLTTCD thường xuyên được truyền bá thông qua trang web, TV, đài, báo và các pano áp phích, tờ rơi...	Thường xuyên hàng năm
10	Tổ chức các lớp đào tạo hàng năm cho cộng đồng về từng hoạt động riêng biệt trong công tác quản lý rủi ro thiên tai tại cộng đồng (các hoạt động đào tạo, tập huấn này được tổ chức riêng biệt cho từng đối tượng cụ thể trong cộng đồng như giới tính, học sinh phổ thông, người lớn tuổi...)	Thường xuyên hàng năm
11	Tổ chức các buổi biểu diễn, kịch về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai tại cộng đồng nhân các ngày lễ của cộng đồng	Thường xuyên hàng năm
12	Mua sắm trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn, Xây dựng các công trình phục vụ công tác phòng, chống và TKCN tại các xã	Thường xuyên hàng năm

2. Kết quả 05 năm đã thực hiện

(có phụ lục kèm theo).

3. Đánh giá quá trình, kết quả thực hiện

Đề án “nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 18/8/2010 và Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 03/5/2013 với mục tiêu đến năm 2020 có khoảng 1230 cán bộ (210 xã, phường, 11 huyện, thành phố, 25 Sở ngành: mỗi đơn vị 5 người) làm công tác phòng, chống và tìm kiếm cứu nạn được tập huấn, nâng cao năng lực hoạt động về công tác phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai, 100% các xã phường, thị trấn có kế hoạch phòng, chống thiên tai, được phổ biến kiến thức về phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai.

Đến nay Đề án đã đạt được những kết quả sau: Phối hợp với Tổng cục Thủy lợi hàng năm đào tạo được 22 giảng viên cấp tỉnh về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; thành lập được các Nhóm hỗ trợ kỹ thuật ở 03 xã thí điểm. Tuy nhiên qua quá trình thực hiện đề án QLRRTTDVCD vẫn còn nhiều hạn chế, chưa tiếp cận được người dân, chưa khuyến khích người dân và các bên liên quan tham gia vào kế hoạch phòng, chống thiên tai ở địa phương. Nguồn vốn của tỉnh còn hạn chế chưa đủ để tập huấn, đầu tư trang thiết bị, xây dựng cơ sở hạ tầng và cơ chế chính sách để đảm bảo tính bền vững sau khi dự án.

4. Khó khăn, vướng mắc

Trong quá trình thực hiện có gặp những khó khăn: Do các cán bộ chuyên công tác nên khó khăn khi lựa chọn cán bộ chuyên trách ở các Sở ngành tham gia làm giảng viên; giảng viên còn thiếu kinh nghiệm tập huấn; chưa có hướng dẫn lập dự toán tổ chức lớp tập huấn, nguồn vốn tỉnh còn hạn hẹp để tiếp tục triển khai xuống cấp huyện, xã; chưa xác định rõ ràng cơ quan đầu mối và cán bộ chuyên trách ở cấp huyện, xã; thiếu đội ngũ đào tạo và tuyên truyền.

5. Đề xuất

a) Đối với cấp ngành ở địa phương: Căn cứ kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt hàng năm các Sở, ngành ở địa phương có liên quan cần lập kế hoạch cụ thể trình Sở Tài chính thẩm định và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh bố trí kinh phí triển khai thực hiện.

b) Đối với cấp Trung ương: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT bố trí tài chính và Bộ Kế hoạch và đầu tư cần đề xuất với Thủ tướng Chính phủ có cơ chế hỗ trợ các địa phương, nhất là các tỉnh nghèo để triển khai thực hiện, đặc biệt là hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực tham mưu, ủng hộ đối với các lực lượng ban chuyên trách./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh; (thay b/c)
- Giám đốc Sở; (b/c)
- Phó GD Sở Quách Tự Hải;
- Lưu: VT, CCTL.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Quách Tự Hải



PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ ĐỀ ÁN “ NÂNG CAO NHÂN THỨC CỘNG ĐỒNG VÀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG” TỈNH HẢI PHÒNG

Kèm theo Công văn số: 183/SNN-TL ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 1B	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp tỉnh ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng (liệt kê các quyết định, văn bản)	QĐ số 1323/QĐ-UBND ngày 18-8-2010; QĐ số 499/QĐ-UBND ngày 03-5-2013; VB số 1224/UBND-NNTN ngày 21-10-2013; VB 1268/UBND-NLN ngày 21/9/2011; VB 256/UBND-NNTN ngày 29-3-2013; VB 593/UBND-NNTN ngày 26-5-2014; VB 1023/UBND-NLN ngày 13-9-2012.	07	
Chỉ số 1C	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp huyện ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng (liệt kê các quyết định, văn bản)	Huyện A: Huyện B:		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
	(1)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 2A	Số lượng tình đã ban hành kế hoạch thực hiện Đề án	Tình đã ban hành kế hoạch thực hiện Đề án	Đã có/ Chưa có		
Chỉ số 2B	Số lượng tình đã có báo cáo kết quả thực hiện Đề án	Tình đã có báo cáo kết quả thực hiện Đề án	Đã có/ Chưa có		<i>Cơ cấu tổ chức thực hiện Đề án được xác định theo tài liệu Hướng dẫn tổ chức thực hiện nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai đưa vào công đồng được Bộ Nông nghiệp và PTNT (Tổng cục Thủy lợi) phê duyệt tại Quyết định số 666/QĐ-TCTL-ĐD ngày 22/8/2011.</i>
Chỉ số 3	TT lệ các tỉnh, huyện, xã có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Tình có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Đã có/ Chưa có	Đã có	<Liệt kê các huyện đã có hệ thống thực hiện Đề án>
Chỉ số 4	Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở các cấp	Tỷ lệ huyện có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Tỷ lệ %	0	
		Tỷ lệ xã của tỉnh có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Tỷ lệ %	03 xã	Xã Mân Đức, huyện Tân Lạc; xã Hồ Bì, huyện Kim Bôi; xã Lạc Hồng, huyện Lạc Thủy
		Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp tỉnh (4A)	Số lượng	06	
		Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp huyện (4B)	Số lượng	Huyện A: Huyện B:	
Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp xã (4C)	Số lượng	Huyện Tân Lạc	Xã Mân Đức: 03 Xã B:		

Chỉ số	(1)	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)														
Chỉ số 5A= SA1/5A2*100%	Tỷ lệ cán bộ cấp tỉnh trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Số lượng cán bộ cấp tỉnh trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD (SA1)	Số lượng	<table border="1" data-bbox="308 734 480 974"> <tr> <td>Huyện Kim Bôi</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>Xã Hạ Bì: 06</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>Xã B:</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>Nam: 05</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>Nữ: 01</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Huyện Kim Bôi	Xã Hạ Bì: 06	Xã B:	Nam: 05	Nữ: 01	85%					
Huyện Kim Bôi																			
Xã Hạ Bì: 06																			
Xã B:																			
Nam: 05																			
Nữ: 01																			
Chỉ số 5B	Tỷ lệ cán bộ cấp huyện trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ cán bộ cấp huyện trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	0	<table border="1" data-bbox="523 495 694 734"> <tr> <td>Huyện A:</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Huyện B:</td> <td></td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td></td> </tr> </table>	Huyện A:		Huyện B:											
Huyện A:																				
Huyện B:																				
.....																				
Chỉ số 5C	Tỷ lệ cán bộ cấp xã trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ cán bộ cấp xã trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	0	<table border="1" data-bbox="730 495 1468 734"> <tr> <td>Huyện A</td> <td>Xã A:</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Xã B:</td> </tr> <tr> <td></td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>Huyện B</td> <td>Xã A:</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Xã B:</td> </tr> <tr> <td></td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>Huyện</td> <td></td> </tr> </table>	Huyện A	Xã A:		Xã B:		Huyện B	Xã A:		Xã B:		Huyện		
Huyện A	Xã A:																			
	Xã B:																			
																			
Huyện B	Xã A:																			
	Xã B:																			
																			
Huyện																				

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh (6D2)	Số lượng	Nam: Nữ:		
Chỉ số 6E	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	0	Huyện A: Huyện B:	<Liệt kê các huyện đã tổ chức đào tạo về QLRRTT-DVCD cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật-số lượng cán bộ được đào tạo của từng huyện-năm thực hiện-kinh phí-nguồn kinh phí>
Chỉ số 6F	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	45 cán bộ	Xã A: Xã Mãn Đức: 15 Xã Hạ Bi: 15 Xã B: Huyện Kim Bôi Huyện Lạc Thủy	<Liệt kê các xã đã tổ chức đào tạo về QLRRTT-DVCD cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật, số lượng cán bộ được đào tạo của từng xã-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chỉ số 6G	Tỷ lệ thành viên nhóm cộng đồng của xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	0	Xã A: Xã B: Huyện A Huyện B	<Liệt kê các xã đã tổ chức đào tạo về QLRRTT-DVCD cho nhóm cộng đồng, số lượng cán bộ được đào tạo của từng xã-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)								
Chỉ số 7A= 7A1/7A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho cộng đồng hàng năm	Số lượng	03	1,4%	Xã Mân Đức, huyện Tân Lạc; xã Hạ Bì, huyện Kim Bôi; xã Lạc Hưng, huyện Lạc Thủy là các xã được lựa chọn thí điểm thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và QLRTTĐVCD" năm								
Chỉ số 8A	Tỷ lệ số người dân của xã được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai hàng năm	Tỷ lệ %	150 người	<table border="1" data-bbox="518 1518 1023 1742"> <tr> <td data-bbox="903 1518 1023 1624">Huyện Tân Lạc</td> <td data-bbox="842 1518 903 1624">Xã Mân Đức: 50</td> </tr> <tr> <td data-bbox="786 1518 842 1624">Xã B:</td> <td data-bbox="726 1518 786 1624">.....</td> </tr> <tr> <td data-bbox="670 1518 726 1624">Huyện Kim Bôi</td> <td data-bbox="609 1518 670 1624">Xã B:</td> </tr> <tr> <td data-bbox="553 1518 609 1624">Huyện Lạc Thủy</td> <td data-bbox="493 1518 553 1624">Xã Lạc Hưng: 50</td> </tr> </table>	Huyện Tân Lạc	Xã Mân Đức: 50	Xã B:	Huyện Kim Bôi	Xã B:	Huyện Lạc Thủy	Xã Lạc Hưng: 50	Tuyên truyền thông qua Tập huấn cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã
Huyện Tân Lạc	Xã Mân Đức: 50												
Xã B:												
Huyện Kim Bôi	Xã B:												
Huyện Lạc Thủy	Xã Lạc Hưng: 50												
Chỉ số 9A= 9A1/9A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã triển khai diễn tập hàng năm	Số lượng	210		<Liệt kê xã đã triển khai diễn tập hàng năm-các loại hình diễn tập-năm thực hiện-kinh phí-don vị tổ chức-nguồn tài trợ>								
Chỉ số 10A1	Số lượng tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Đã có/ Chưa có	Đã có		Liệt kê danh mục các tài liệu đã sử dụng trong phần thông tin bổ sung của biểu mẫu báo cáo								
Chỉ số 10B= 10B1/10B2*100	Tỷ lệ huyện đã sử dụng bộ tài liệu về QLRTT-DVCD do	Số lượng	0	0	<Liệt kê huyện đã sử dụng bộ tài liệu về QLRTT-DVCD do Bộ Nông								

tài liệu về QLRTT-DVCD do

Chỉ số		Thông tin cần báo cáo		Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)		(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
%	Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành đề tập huấn	Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành đề tập huấn (10B1)	Tổng số huyện năm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (10B2)	Số lượng	11		ngiệp và PTNT/TCTL ban hành đề tập huấn-tên tài liệu đã được sử dụng>
Chỉ số 10C= 10C1/10C2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn (10C1)	Số lượng xã của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn (10C1)	Tổng số xã năm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (10C2)	Số lượng	03	1.4%	Xã Mân Đức, huyện Tân Lạc; xã Hạ Bì, huyện Kim Bôi; xã Lạc Hùng, huyện Lạc Thủy
Chỉ số 11A1	Số lượng tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương		Số lượng	210		
Chỉ số 11B= 11B1/11B2*100 %	Tỷ lệ cấp huyện đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Số lượng huyện đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương (11B1)	Tổng số huyện năm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (11B2)	Số lượng	0		<Liệt kê huyện đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương>
Chỉ số 11C= 11C1/11C2*100 %	Tỷ lệ cấp xã đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Số lượng xã của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương (11C1)	Tổng số xã năm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (11C2)	Số lượng	11		<Liệt kê xã đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương>
Chỉ số 12A= 12A1/12A2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm có sự tham gia của cộng đồng	Số lượng xã của tỉnh đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm có sự tham gia của cộng đồng (12A1)	Tổng số xã năm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (12A2)	Số lượng	03	1.4%	<Liệt kê xã đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm có sự tham gia của cộng đồng-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 13A= 13A1/13A2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã lồng ghép kế hoạch phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển KTXXH của địa phương	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (13A2) Số lượng xã của tỉnh đã lồng ghép kế hoạch phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển KTXXH của địa phương (13A1)	Số lượng Số lượng	210 0 210	 nguồn tài trợ>
Chỉ số 14A= 14A1/14A2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ	Số lượng xã của tỉnh đã xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ (14A1) Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (14A2)	Số lượng Số lượng	03 210	1.4% Xã Mân Đức, huyện Tân Lạc; xã Hạ Bi, huyện Kim Bôi; xã Lạc Hưng, huyện Lạc Thủy
Chỉ số 14B= 14AB1/14B2*100 0%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ	Số lượng xã của tỉnh đã cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ (14B1) Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (14B2)	Số lượng	03 210	1.4% Xã Mân Đức, huyện Tân Lạc; xã Hạ Bi, huyện Kim Bôi; xã Lạc Hưng, huyện Lạc Thủy
Chỉ số 15A	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp tỉnh	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp tỉnh	Liệt kê chi tiết	Máy tính, máy chiếu, máy ảnh, bảng trắng, máy in, giáo án bằng powerpoint	Các trang thiết bị phục vụ công tác thực hiện Đề án được hiện là các thiết bị phần cứng, phần mềm để thực hiện các hoạt động của Đề án như máy tính, máy in, máy ảnh, máy chiếu, phần mềm theo dõi, đánh giá; các công cụ đào tạo như bảng viết, tranh lật, v.v....
Chỉ số 15B	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp huyện	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp huyện	Liệt kê chi tiết	11 huyện thì trên địa bàn tỉnh đều được trang bị: Máy tính, máy chiếu, máy ảnh, bảng trắng, máy in, giáo án bằng	<Liệt kê huyện được trang bị công cụ phục vụ công tác thực hiện Đề án-nằm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 15C	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp xã	Liệt kê chi tiết	210 xã của tỉnh hầu hết đều được trang bị: Máy tính, máy chiếu, bảng trắng, máy in, giáo án bằng powerpoint		<Liệt kê xã được trang bị công cụ phục vụ công tác thực hiện Đề án- năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chỉ số 16A1	Số lượng tỉnh có trụ sở cơ quan chuyên trách về phòng chống thiên tai được nâng cấp hoàn chỉnh phục vụ tốt điều kiện làm việc cho cán bộ	Đã có/ Chưa có	Chưa có		<Tên đơn vị, cơ quan chuyên trách về phòng chống thiên tai>
Chỉ số 17A= 17A1/17A2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã có hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm về thiên tai	Số lượng	0	0	<Liệt kê xã đã có hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm về thiên tai-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ> Hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm thiên tai đến cộng đồng được hiểu là hệ thống hoặc phương thức hiện đại/truyền thông đảm bảo thông tin đến cộng đồng người dân đúng thời gian, để hiểu và người dân biết cách phòng, chống thiên tai
Chỉ số 18A	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã nhận được thông tin cảnh báo sớm về thiên tai	Tỷ lệ %		Huyện A Xã A: Xã B:	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)		Thông tin bổ sung											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)											
				<table border="1"> <tr> <td>Huyện B</td> <td>Xã A:</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Xã B:</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Huyện B	Xã A:		Xã B:							
Huyện B	Xã A:																
	Xã B:																
.....																
Chỉ số 19A= 19A1/19A2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh có danh mục công trình quy mô nhỏ có sự tham vấn cộng đồng	Số lượng	0	0	<Liệt kê xã có danh mục công trình quy mô nhỏ có sự tham vấn cộng đồng-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>												
Chỉ số 20A	Tỷ lệ công trình quy mô nhỏ trong danh mục dự kiến đã được xây dựng trên địa bàn xã	Tỷ lệ %	210	<table border="1"> <tr> <td>Huyện A</td> <td>Xã A:</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Xã B:</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>Huyện B</td> <td>Xã A:</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Xã B:</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Huyện A	Xã A:		Xã B:	Huyện B	Xã A:		Xã B:	<Liệt kê xã xây dựng các công trình quy mô nhỏ phục vụ phòng chống và GNTT-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Huyện A	Xã A:																
	Xã B:																
.....																
Huyện B	Xã A:																
	Xã B:																
.....																
Chỉ số 22A	Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	<table border="1"> <tr> <td colspan="2">Nam:</td> </tr> <tr> <td colspan="2">Nữ:</td> </tr> </table>	Nam:		Nữ:		0									
Nam:																	
Nữ:																	
Chỉ số 22B	Tỷ lệ giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đã được	Số lượng	<table border="1"> <tr> <td colspan="2">Nam:</td> </tr> <tr> <td colspan="2">Nữ:</td> </tr> </table>	Nam:		Nữ:		0									
Nam:																	
Nữ:																	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	đào tạo, tập huấn về QLRRTT		Nữ:		
		Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
Chỉ số 22C	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:	0	
			Nữ:		
		Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
Chỉ số 22D= 22D1/22D2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:	0	
			Nữ:		
		Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
Chỉ số 22E= 22E1/22E2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:	0	
			Nữ:		
		Số lượng	Nam:		
			Nữ:		